

Số: 5088 /NHCS-TDSV

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2016

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay đối với Dự án "Chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW"

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay của Chính phủ Cộng hòa Liên Bang Đức thông qua Ngân hàng tái thiết Đức (KFW) cho dự án Chương trình phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa, ký ngày 26/8/2005 và ngày 03/9/2007 giữa Bộ Tài chính và NHCSXH;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với Dự án Chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn cho vay

Là khoản cho vay lại của Bộ Tài chính cho NHCSXH vay để cho vay bằng đồng Euro tương đương 10.000.000 EUR (Mười triệu Euro) từ nguồn vốn vay của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (KFW) để thiết lập Quỹ tín dụng quay vòng nhằm cho vay tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc vùng dự án, cụ thể:

a) Hợp đồng cho vay lại ký ngày 26/8/2005, thời gian kết thúc là ngày 30/12/2025;

b) Hợp đồng cho vay lại ký ngày 03/9/2007, thời gian kết thúc là ngày 30/6/2027.

2. Các đơn vị thực hiện cho vay

Các đơn vị thực hiện cho vay do Tổng Giám đốc NHCSXH thông báo từng thời kỳ. Hiện nay, bao gồm 21 đơn vị: Sở giao dịch, Hưng Yên, Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Gia Lai, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An và Cần Thơ.

3. Nguyên tắc vay vốn

a) Khách hàng vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;

b) Khách hàng vay phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.

4. Đối tượng vay vốn

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa có đăng ký thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, sau đây gọi chung là khách hàng. Hiện nay thực hiện theo Luật

Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội; Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Điều kiện vay vốn

- a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b) Có dự án vay vốn phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được thông báo công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- c) Có tài sản bảo đảm theo quy định.

6. Mức cho vay

a) Mức cho vay đối với mỗi khách hàng được căn cứ vào:

- Nhu cầu vay vốn của khách hàng;
- Vốn tự có tham gia vào dự án;
- Giá trị của tài sản bảo đảm;
- Khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng;
- Khả năng nguồn vốn của Dự án KFW.

b) Mức cho vay không quá 80%/giá trị của dự án xin vay, khách hàng có thể vay vốn cho nhiều dự án nhưng tổng dư nợ không quá 01 tỷ đồng/01 khách hàng và không quá 75% giá trị của tài sản bảo đảm.

7. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay do NHCSXH quyết định theo từng thời kỳ. Mức lãi suất cho vay hiện nay đang áp dụng là 0,75%/tháng (9%/năm).

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng (05 năm). Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH và khách hàng vay vốn thỏa thuận, căn cứ vào nguồn vốn của dự án do NHCSXH quản lý, thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn.

9. Phương thức cho vay

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại Sở giao dịch, trụ sở chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố hoặc trụ sở Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

10. Hồ sơ vay vốn

a) Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/TDDN;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

vốn. Nếu doanh nghiệp có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay;

d) Dự án vay vốn theo mẫu 02/TDDN;

đ) Bản sao các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm tiền vay.

11. Thủ tục cho vay

11.1 Khách hàng gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay. Cán bộ được phân công nhận hồ sơ và kiểm tra bộ hồ sơ vay vốn. Nếu bộ hồ sơ đáp ứng đầy đủ về số lượng và thông tin theo quy định thì lập giấy nhận hồ sơ theo mẫu số 03/TDDN;

11.2 Trong phạm vi 10 ngày làm việc, cán bộ tín dụng được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn và lập báo cáo thẩm định theo mẫu số 04/TDDN. Báo cáo thẩm định phải tuân thủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

a) Nếu không đồng ý cho vay thì cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng/Tổ trưởng tín dụng, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 06/TDDN gửi cho khách hàng;

b) Nếu đồng ý cho vay thì cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng/Tổ trưởng tín dụng, kiểm soát tính hợp lệ và hợp pháp của hồ sơ, sau đó, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định cho vay, đồng thời thông báo cho khách hàng theo mẫu số 05/TDDN.

Sau đó cán bộ tín dụng được phân công cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu 07/TDDN; Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Lệ phí công chứng và giao dịch bảo đảm do khách hàng chi trả.

Việc kiểm soát hồ sơ và phê duyệt kể từ khi cán bộ tín dụng được phân công thẩm định trình không quá 05 ngày làm việc.

11.3 Hồ sơ vay vốn được duyệt bàn giao cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân và lưu trữ theo quy định. Các giấy tờ bàn giao cho bộ phận kế toán bao gồm:


a) Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/TDDN;

b) Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07/TDDN;

c) Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng;

d) Giấy đề nghị giải ngân theo mẫu số 09/TDDN.

Kế toán chỉ được phát tiền vay sau khi khách hàng đã làm các thủ tục nhập kho các giấy tờ gốc: Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng; Giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm.

Các giấy tờ còn lại được lưu tại bộ phận tín dụng. 

12. Giải ngân

Tiền vay được NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của khách hàng nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu khách hàng ký xác nhận vào phần theo dõi cho vay - thu nợ trong phụ lục hợp đồng tín dụng.

13. Thu nợ, thu lãi

a) Thu nợ

Căn cứ kế hoạch trả nợ gốc đã thỏa thuận với ngân hàng, khách hàng nộp tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản thanh toán được mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng để thu nợ gốc đến hạn. Khách hàng có thể trả nợ gốc trước hạn.

b) Thu lãi

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế.

Hàng tháng khách hàng vay vốn nộp tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản thanh toán được mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng để thu lãi.

14. Định kỳ hạn trả nợ

- Cho vay ngắn hạn (từ 12 tháng trở xuống): Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.


- Đối với cho vay trung hạn (trên 12 tháng): NHCSXH nơi cho vay và khách hàng căn cứ vào nguồn vốn cho vay, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của khách hàng để thỏa thuận định kỳ hạn trả nợ cho phù hợp nhưng tối đa không quá 6 tháng một lần kể từ ngày khách hàng nhận món vay đầu tiên.

15. Điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng vay vốn chưa có khả năng trả nợ do nguyên nhân khách quan thì phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo mẫu số 10/TDDN gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ, NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, nhưng không được vượt quá hạn trả nợ cuối cùng.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng khách hàng chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan thì phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 11/TDDN gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ. NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ. 

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trung hạn.

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH chuyển số nợ chưa trả được của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn;

- Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng biết theo mẫu số 12/TDDN. Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

16. Xử lý nợ rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

17. Kiểm tra sử dụng vốn vay

NHCSXH thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay định kỳ 1 năm 1 lần hoặc kiểm tra đột xuất. Lần kiểm tra đầu tiên chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay. Nội dung kiểm tra thực hiện theo mẫu 08/TDDN.

Trường hợp kiểm tra phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc các vi phạm khác theo cam kết trong hợp đồng tín dụng thì NHCSXH thực hiện thu hồi nợ trước hạn hoặc áp dụng các chế tài khác. Sau thời gian vi phạm, khách hàng không khắc phục các vi phạm thì chuyển nợ quá hạn và xử lý theo pháp luật quy định.

18. Tổ chức thực hiện

a) Căn cứ vào Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và NHCSXH, các khoản cho vay phải thu hồi nợ trước thời hạn trả nợ cuối cùng của Hợp đồng vay lại, cụ thể:

- Hạn trả nợ cuối cùng không quá ngày 30/12/2025 đối với khoản vay bằng nguồn tài trợ theo Hợp đồng cho vay lại ký ngày 26/8/2005;

- Hạn trả nợ cuối cùng không quá ngày 30/6/2027 đối với khoản vay bằng nguồn tài trợ theo Hợp đồng cho vay lại ký ngày 03/9/2007.

b) Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế văn bản số 3254/NHCS-HTQT ngày 16/11/2005 về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với dự án “Chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn KFW”; văn bản số 2479/NHCS-TDSV ngày 23/7/2012 về việc sửa đổi một số điểm của văn bản số 3254/NHCS-HTQT về nghiệp vụ cho vay đối với dự án KFW của Tổng Giám đốc NHCSXH và Khoản 10 Mục II văn bản số 720/NHCS-TDNN-TDSV.

ngày 29/3/2011 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác của Tổng Giám đốc NHCSXH và các văn bản có nội dung liên quan trái với nội dung văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

c) Đối với Hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành thì việc quản lý, giải ngân cho vay và thu hồi nợ được thực hiện theo nội dung đã ký đến khi thu hồi hết khoản nợ vay.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (để b/cáo);
- Tổng Giám đốc, TBKS HĐQT;
- Các PTGD, KTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Sở giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TDSV.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Kính gửi: Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh
(huyện).....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại liên hệ.....

Ngành nghề kinh doanh¹:

Tài khoản tiền gửi số: tại

Tài khoản tiền vay số: tại

Họ, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Địa chỉ thường trú.....Quốc tịch.....

Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...

Họ và tên đại diện khách hàng vay vốn:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Địa chỉ thường trú.....Quốc tịch.....

Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...

Giấy ủy quyền (nếu có), số ngày .../.../... do ủy quyền.

1. Mục đích vay vốn:

2. Tổng số vốn thực hiện dự án:đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng.

- Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:) để dùng vào việc:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng) ²

Thời hạn vay vốn:.....tháng; Trả gốc:.....; Trả lãi: hàng tháng

3. Tài sản bảo đảm³

¹ Ngành nghề kinh doanh tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp hoặc đã đăng ký thay đổi đảm bảo phù hợp với thông tin trên Dự án vay vốn.

² Ghi số tiền đề nghị Ngân hàng cho vay.

(Handwritten mark)

XIN CAM KẾT

- Có đủ vốn tự có tối thiểu tham gia vào dự án vay vốn theo quy định của NHCSXH;

- Chúng tôi thống nhất cử người đại diện là ông (bà) đứng ra vay vốn NHCSXH và sử dụng nguồn thu nhập của đơn vị để trả nợ.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi cho NHCSXH đầy đủ, đúng hạn.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho NHCSXH;

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm theo quy định của NHCSXH.

Nếu không thực hiện đúng những lời cam kết trên, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định./.

Các thành viên⁴
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm
Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

³ Loại tài sản, chủ sở hữu tài sản và các thông tin chi tiết khác về tài sản và chủ sở hữu tài sản.

⁴ Các cổ đông có tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

DỰ ÁN VAY VỐN

(Dùng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa)

Kính gửi: Chi nhánh (PGD) NHCSXH huyện tỉnh (huyện).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
2. Địa chỉ doanh nghiệp (Trụ sở giao dịch).....
Điện thoại.....
3. Họ, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:..... Chức vụ:
4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:
5. Tài khoản tiền gửi số:..... tại Ngân hàng
6. Tài khoản tiền vay số:..... tại Ngân hàng
7. Quyết định thành lập số:.....
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....
9. Giấy phép kinh doanh/hoạt động/hành nghề số : (đối với ngành nghề phải có Giấy phép)thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm).....
10. Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng:
11. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Nguồn vốn sở hữu:.....đồng

Trong đó :

- Tài sản cố định:.....đồng
 - + Nhà cửa, vật kiến trúc:.....đồng
 - + Máy móc thiết..... đồng
 - + Phương tiện vận tải..... đồng
- Tài sản lưu động:.....đồng
 - + Vốn bằng tiền:.....đồng
 - + Giá trị vật tư hàng hóa:.....đồng
 - + Các khoản phải thu:.....đồng
 - + Các khoản phải trả (người bán, tổ chức tín dụng).....đồng
 - + Nợ khácđồng

III. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Năm

- Tổng doanh thu:..... đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

Năm

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

2. Tính toán hiệu quả kinh tế của dự án phương án vay vốn

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng
- + Nợ phải thu đồng
- + Nợ phải trả đồng

IV. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên Dự án:

Nơi thực hiện dự án:

2. Nội dung dự án

a) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

b) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng năm

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:


Vốn tự có: đồng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:)

4. Thời hạn vay: tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:



- Khấu hao tài sản từ vốn vay: đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: đồng;

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: đồng;

6. Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: đồng, trong đó:

Trả nợ gốc:

Trả lãi theo:

7. Tài sản bảo đảm (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm

Khách hàng vay vốn
(Họ và tên, ký, đóng dấu (nếu có))





GIẤY NHẬN HỒ SƠ

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm..... tại Chúng tôi gồm:

1. BÊN GIAO:

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại liên hệ.....

Họ và tên đại diện khách hàng vay vốn.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Địa chỉ thường trú.....Quốc tịch.....

Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng
thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày... ./...../.....

Chức vụ, đơn vị công tác:

Số điện thoại liên hệ:.....

2. BÊN NHẬN

Họ và tên:.....

Chức vụ, đơn vị công tác:.....

Địa chỉ.....

Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng
thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày... ./...../.....

Số điện thoại liên hệ:.....

3. NỘI DUNG GIAO NHẬN GỒM:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên) 

....., ngàytháng.....năm.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH, TÁI THẨM ĐỊNH
(Dùng trong cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

- 1. Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
- 2. Họ và tên người đại diện:..... Chức vụ:
- 3. Địa chỉ doanh nghiệp (Trụ sở giao dịch).....
Điện thoại.....
- 4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:
- 5. Tài khoản tiền gửi số:..... tại Ngân hàng
- 6. Tài khoản tiền vay số:.....tại Ngân hàng
- 7. Quyết định thành lập số:.....
- 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....
- 9. Giấy phép kinh doanh/hoạt động/hành nghề số: (đối với ngành nghề phải có Giấy phép)thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm).....
- 10. Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng:
- 11. Họ và tên đại diện khách hàng vay vốn:..... Chức vụ:
- 12. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....
- 13. Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...
- 14. Hình thức bảo đảm, trị giá: (có chấp thuận của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần)

II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

- 1. Lịch sử phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...):
.....
.....
- 2. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, chí tiến thủ trong kinh doanh, trình độ tính toán, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình...)
.....

[Handwritten mark]

3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các công ty khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)

.....

.....

4. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số kỳ giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số kỳ giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

5. Điều tra thực địa (biên tên và biên hiệu; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

.....

III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

1. Bảng tính toán lỗ, lãi


Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kỳ	Tài liệu xác nhận	Kỳ	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

.....

.....

2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ (nếu có) 

ST T	Hạng mục	Kỳ	Tài liệu xác nhận	Kỳ	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá :

IV. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Nội dung dự án

a) Đánh giá hiện trạng

- Đánh giá hiện trạng văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

- Đánh giá hiện trạng nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ)

- Đánh giá về hiện trạng trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động)

b) Đánh giá Dự án, phương án vay vốn

- Đánh giá về việc mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:.....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:.....

- Đánh giá về đầu tư trang thiết bị, máy móc

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị).....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị).....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

2. Phân tích hiệu quả dự án và dự báo thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo dự án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
		Cách tính	Giá trị		
1	Tổng doanh thu dự kiến				
2	Tổng chi phí dự kiến				
3	Lợi nhuận dự kiến				

* Các mục trên đều là số ước tính số thực thu, thực chi trong 1 năm dự án

Nhận xét, đánh giá:

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn đề nghị vay Ngân hàng:đồng

Sử dụng vào các việc:

4. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: Tháng.....năm.....

5. Nguồn tiền trả nợ Ngân hàng:

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:.....đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có:.....đồng;

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác:.....đồng;

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là:..... đồng, trong


đó:

Trả nợ gốc:.....; Trả lãi:.....;

Nhận xét, đánh giá:

6. Tài sản bảo đảm

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VÈ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản) 

KẾT LUẬN: (đánh giá chung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của doanh nghiệp, tính khả thi của dự án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, mục đích vay vốn, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay)

.....

V. Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ TÍN DỤNG

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn và kết quả thẩm định

Đề nghị duyệt cho vay/không duyệt cho vay:.....

Lý do:

- Phương thức trả nợ:

- Số tiền cho vay:

- Thời hạn cho vay:

- Lãi suất:.....

Cán bộ tín dụng
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT CHO VAY

- Duyệt cho vay/ không cho vay.....

- Số tiền cho vay:


- Thời hạn cho vay:.....

- Lãi suất:

**TRƯỞNG PHÒNG (TỔ
TRƯỞNG) TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này hướng dẫn nội dung lập báo cáo thẩm định, không phải là mẫu in sẵn để cán bộ tự điền các nội dung và được đánh máy. 

THÔNG BÁO PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:

Ngày.....tháng....năm....., Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)nhận được bộ hồ sơ đề nghị vay vốn để của Doanh nghiệp.....

Căn cứ kết quả thẩm định ngày.....tháng.....năm.....

Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)thông báo phê duyệt cho vay đối với Doanh nghiệp..... để.....như sau:


- Số tiền phê duyệt cho vay: đồng;
- Lãi suất cho vay.....%/tháng;
- Thời hạn cho vay: tháng;
- Hàng tháng, khách hàng nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi mở tại.....để Ngân hàng trích trả nợ gốc và lãi.
- Tài sản bảo đảm:.....

Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)trân trọng thông báo để Quý khách hàng đến trụ sở giao dịch của NHCSXH tỉnh (huyện) tại.....vào thời gian (nếu có)..... để ký Hợp đồng tín dụng và các thủ tục liên quan khác đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) 

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:

Ngày.....tháng.....năm....., Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện).....nhận được bộ hồ sơ đề nghị vay vốn để của Doanh nghiệp (Công ty).....

Căn cứ kết quả thẩm định ngày.....tháng.....năm.....

Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện).....
.....thông báo từ chối cho vay đối với Doanh nghiệp.....
để.....vì những lý do sau:

-.....


-.....

Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)
.....trân trọng thông báo để Quý khách hàng biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) 

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số: .../HD-TD

(Áp dụng cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW)

- Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Căn cứ Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Tổng Giám đốc NHCSXH tại văn bản số/NHCS-TDSV ngày

- Căn cứ hồ sơ vay vốn của doanh nghiệp và kết quả thẩm định của chi nhánh (Phòng giao dịch) NHCSXH tỉnh (huyện).....

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay (sau đây gọi tắt là Bên A):

- Tên Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...

- Giấy ủy quyền (nếu có)

- Do ông (bà) ủy quyền.....

Bên vay (sau đây gọi tắt là Bên B):

- Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....

- Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại liên hệ.....

- Số tài khoản tiền gửi: tại Ngân hàng:.....

- Họ và tên đại diện khách hàng vay vốn:.....

- Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

- Địa chỉ thường trú.....Quốc tịch.....

- Chức vụ:

- Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...

- Họ và tên người được ủy quyền vay vốn (nếu có).....

- Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

- Địa chỉ thường trú.....Quốc tịch.....

- Chức vụ:

- Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...

- Giấy ủy quyền số: do ông (bà) ủy quyền

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Số tiền cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay

a) Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng

Bằng chữ:

b) Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ tháng

- Lãi suất quá hạn:..... %/tháng

- Tiền lãi trả vào ngàyhàng tháng (Lãi tiền vay được tính kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế).

c) Thời hạn cho vay: tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....

Nợ gốc tiền vay được trảtháng/lần vào các ngày:

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

...

Điều 2. Giải ngân

a) Bằng tiền mặt: đồng

b) Bằng chuyển khoản (nếu có): đồng

c) Phát tiền vay một hay nhiều lần

Điều 3. Trả nợ gốc, trả lãi

Hàng tháng Bên B có trách nhiệm nộp tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản thanh toán được mở tại Bên A. Bên A thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của Bên B để thu lãi, thu nợ gốc theo thỏa thuận ghi tại Điểm b,c, Điều 1 Hợp đồng này. Khách hàng có thể trả nợ gốc trước hạn.

Điều 4. Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp.....

.....
.....
.....

Điều 5. Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

a) Quyền của Bên A

- Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay của Bên B.
- Ngừng cho vay, thu hồi nợ trước hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn không đúng mục đích hoặc vi phạm các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng tín dụng.
- Trường hợp phát mại tài sản.
- + Nợ quá hạn trên 360 ngày
- + Bên B sử dụng vốn sai mục đích, yêu cầu khắc phục trả nợ trước hạn trong vòng 30 ngày nếu không thực hiện được thì phát mại tài sản để thu hồi nợ;
- + Bên B cung cấp thông tin sai sự thật
- Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này.

b) Nghĩa vụ của Bên A

- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- Phát đủ số tiền vay phù hợp với tiến độ thực hiện dự án của bên vay, thu hồi nợ (gốc và lãi) theo thỏa thuận. Tiền lãi được tính trên vốn và thời hạn vay thực tế, không nhập lãi vào gốc vay.
- Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ và cung cấp đầy đủ cho Bên vay.
- Gửi thông báo nợ đến hạn cho Bên vay trước khi đến hạn 30 ngày.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Quyền của Bên B

- Trả nợ gốc trước hạn: Bên B phải có văn bản gửi Bên A trích từ tài khoản thanh toán mở tại Bên A để trả nợ).
- Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b) Nghĩa vụ của Bên B

- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- Sử dụng tiền vay đúng mục đích được duyệt. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi tiền vay) theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng này.
- Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để đảm bảo cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.
- Chịu sự kiểm tra của Bên A trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay, tài sản thế chấp.

Điều 8. Một số thỏa thuận khác

.....
.....

Điều 9. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 10. Cam kết chung

a) Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

b) Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

c) Hợp đồng Tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

d) Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi tiền vay và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.


Điều 11. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) 

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng Tín dụng số:/HĐ-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ trong hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền vay	Lãi suất %/ tháng	Hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền trả nợ		Dư nợ	Chữ ký	
					Gốc	Lãi		KH vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/tháng	Số tiền trả nợ		Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
				Gốc	Lãi		KH vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9



BIÊN BẢN KIỂM TRA

Căn cứ hợp đồng tín dụng số

Căn cứ hợp đồng thế chấp/cầm cố

Hôm nay, ngày, tại chúng tôi gồm:

I. Bên vay vốn:

- Doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....
- Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại liên hệ.....
- Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn.....
- Ông (bà)..... Chức vụ.....
- Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...

II. Đại diện chi nhánh (Phòng giao dịch) NHCSXH tỉnh (huyện).....

- Ông (bà).....Chức vụ:.....
- Ông (bà).....Chức vụ:.....
-

Nội dung làm việc⁵:

1. Về tình hình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo hợp đồng tín dụng: đồng.
- Tổng số tiền đã giải ngân: đồng.
- Lũy kế số nợ gốc đã trả: đồng
- Dư nợ vay: đồng. Bằng chữ.....

2. Về mục đích sử dụng tiền vay⁶

3. Về tình hình thực hiện dự án vay vốn và khả năng trả nợ

a) Tình hình thực hiện dự án vay vốn⁷

.....
.....
.....

⁵ Kiểm tra sử dụng vốn vay.

⁶ Ghi chi tiết mục đích sử dụng vốn vay và đính kèm các giấy tờ chứng minh. Đánh giá sự phù hợp của mục đích vay vốn với ngành nghề kinh doanh đã được đăng ký.

⁷ Cán bộ tín dụng chủ động thu thập hồ sơ chứng từ, báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất để đánh giá hiệu quả của dự án vay vốn.

b) Khả năng trả nợ

.....
.....
.....
.....

4. Về tài sản bảo đảm.....

STT	Danh mục tài sản	Số lượng (nếu có)	Hiện trạng tài sản ⁸	Ghi chú

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm (nếu có).....

5. Ý kiến của cán bộ kiểm tra⁹

.....
.....
.....
.....

6. Ý kiến của người vay:.....

.....


KHÁCH HÀNG VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CÁN BỘ KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁸ Hiện trạng tài sản so với thời điểm nhận thế chấp (tốt, xấu, xuống cấp, hao mòn, hư hỏng, tác động của quy hoạch, phân vùng đến giá trị của đất đai, nhà cửa và công trình kiến trúc trên đất, đất có nằm trong quy hoạch giải toả, tranh chấp không, thực trạng tài sản (chưa hoặc đã có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở), tài sản đã hình thành, tài sản chưa hình thành...

⁹ Nhận xét, đánh giá chung về kết quả kiểm tra; việc thực hiện các cam kết của khách hàng, đề xuất chuyển nợ quá hạn; thời gian khắc phục khó khăn; thay đổi hay không thay đổi biện pháp quản lý tài sản thế chấp; đề xuất bổ sung, thay thế tài sản thế chấp hay không; đề xuất định giá lại đối với trường hợp phát hiện giá trị tài sản thế chấp bị giảm mà không đáp ứng được nghĩa vụ được bảo đảm (nếu có) và các ý kiến khác. 



GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN

Lần/Đợt.....

Tên doanh nghiệp:Mã số doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại liên hệ.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... ngày/...../.....

Do: cấp.

Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn.....

Ông (bà)..... Chức vụ.....

Số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.....do.....cấp ngày.../.../...

Điện thoại.....

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: ngày tháng năm.....

Mức vay được duyệt:.....đồng.

(Bằng chữ.....)

Đề nghị chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện).....giải ngân cho tôi số tiền: đồng.

(Bằng chữ:.....)

Lý do

Tiền mặt:

Chuyển khoản: Tên người thụ hưởng.....

Số tài khoản.....tại.....

- Giấy tờ kèm theo (nếu có) như: Hợp đồng mua bán, hóa đơn...:.....

- Giấy đề nghị giải ngân này là phụ lục không tách rời của Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....

....., ngày.....tháng.....năm

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Mức vay được duyệt:.....

2. Đã giải ngân số tiền.....đồng.

3. Số tiền giải ngân lần này:đồng.

4. Đề thanh toán.....theo hình thức giải ngân Tiền mặt Chuyển khoản.

5. Tổng số tiền đã giải ngân sau giải ngân lần này là.....đồng.

....., ngày.....tháng.....năm

TP (Tổ trưởng) Tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh
(huyện).....

Tên doanh nghiệp.....Mã số doanh nghiệp.....

Địa chỉ.....

Họ tên đại diện khách hàng vay vốn.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số.....

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....Điện thoại.....

Đã vay tại chi nhánh (Phòng giao dịch) NHCSXH tỉnh (huyện):.....Số tiền.....
(Bằng chữ:.....)

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....Số tiền
đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày/...../..... làđồng.

Số tiền nợ gốc chưa trả được làđồng. Vì lý do:

.....

Đề nghị chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh
(huyện).....cho phép doanh nghiệp được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc
trên đến ngày..... thángnăm.....

Tôi/Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm..

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là

- Thời gian điều chỉnh đến ngày/...../.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG
(TỔ TRƯỞNG) TÍN DỤNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

(huyện).....

Tên doanh nghiệp.....Mã số doanh nghiệp.....

Địa chỉ.....

Họ và tên đại diện khách hàng vay vốn.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Chức vụ.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số.....

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....Điện thoại.....

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....tháng.....năm....., tôi đã được chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện).....cho vay số tiền.....đồng. Hạn phải trả vào ngày.....tháng.....năm.....

- Số tiền nợ gốc đã trảđồng.

- Số tiền nợ gốc chưa trả.....đồng.

- Lý do chậm trả:

Đề nghị chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)..... cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày . . . tháng . . . năm ...

Tôi/Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là

- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày .../...../.....

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG

(TỔ TRƯỞNG) TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:

Căn cứ hợp đồng tín dụng sốngày tháng năm giữa chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện).....với khách hàng vay vốn là doanh nghiệp.....

Chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)..... thông báo số tiền vay của doanh nghiệp tại Hợp đồng tín dụng trên đã chuyển sang tài khoản nợ quá hạn kể từ ngày tháng năm Số tiền bằng số:đồng.

(Bằng chữ:))

Lý do chuyển nợ quá hạn:

.....
.....

Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn, khách hàng vay vốn phải chịu lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay trên số nợ gốc:.....đồng.

Yêu cầu khách hàng tìm mọi biện pháp sớm trả nợ số tiền nợ quá hạn nói trên cho chi nhánh (Phòng giao dịch) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)...../.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) 